

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Mẫu số 04a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Sao Vàng

Mã đơn vị: 1050742.12

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

## CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Năm 2025

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm				373,970				
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp								
1.1	Đất								
1.2	Nhà								
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác								
2	Xe ô tô								
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh								
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung								
2.3	Xe ô tô chuyên dùng								
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước								
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)								
4	Máy móc, thiết bị				373,970				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh				16,250				
	Điều hoà Gree	Cái	1		16,250				
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung				19,250				
	Thảm cỏ nhựa	Cái	1		19,250				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng				338,470				

QLTS.VN

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Bộ đồ chơi nhà chòi liên hoàn	Cái	1		55,000				
	Bộ vận động đa năng	Cái	1		82,500				
	Cầu trượt xích đu	Cái	1		31,212				
	Đồ chơi vận động đa năng hình nấm	Cái	1		29,500				
	Máy bay đồ chơi	Cái	1		45,000				
	Nhà bóng	Cái	1		42,350				
	Nhà chơi cầu trượt		1		13,068				
	Xích đu sàn lắc thuyền rồng MG	Cái	1		16,940				
	Xích đu toà hoả sắt	Cái	1		22,900				
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm								
6	Tài sản cố định đặc thù								
7	Tài sản cố định hữu hình khác								
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)								
II	Tài sản giao mới								
III	Tài sản đi thuê								
IV	Tài sản nhận điều chuyển								
	<b>Tổng cộng</b>				<b>373,970</b>				

Người lập báo cáo

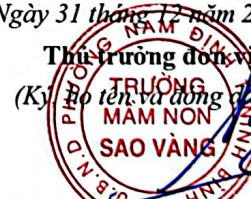
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh Huyền

Ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Trần Thị Ánh Nguyệt



Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Sao Vàng

Mã đơn vị: 1050742.12

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04b-CK/TSC

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m<sup>2</sup>; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	11	14,110.4	104,220,072	100,553,579	14,116				
1.1	Đất	1	7,165.4	100,315,600	100,315,600	7,165				
1	Khuôn viên đất	1	7,165.4	100,315,600	100,315,600	7,165				
1.2	Nhà	4	6,945.0	3,465,150	62,979	6,945				
1	Nhà bảo vệ	1	40.0	50,000		40				
2	Nhà lớp học 2 tầng	1	6,530.0	2,312,150		6,530				
3	Nhà lớp học 3 tầng	1	305.0	998,000		305				
4	Nhà trải nghiệm	1	70.0	105,000	62,979	70				
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	6		439,322	175,000	6				
1	Cổng trường	1		80,000	32,000	1				
2	Hệ thống nước	1		11,322		1				
3	Lán để xe	1		28,000		1				
4	Mô hình suối nước	1		120,000	48,000	1				
5	Mô hình vườn cây, ăn quả, vườn rau	1		150,000	60,000	1				
6	Sân giao thông	1		50,000	35,000	1				
2	Xe ô tô									
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh									

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung									
2.3	Xe ô tô chuyên dùng									
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước									
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)									
4	Máy móc, thiết bị	47		1,141,961	239,462	47				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	1		16,250	14,219	1				
1	Điều hoà Gree	1		16,250	14,219	1				
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	2		52,310	35,100	2				
1	Bộ bàn ghế phòng họp	1		33,060	20,663	1				
2	Thảm cỏ nhựa	1		19,250	14,438	1				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	44		1,073,401	190,143	44				
1	Bộ cửa phòng thư viện	1		19,200	6,720	1				
2	Bộ đồ chơi nhà chòi liên hoàn	1		55,000		1				
3	Bộ đồ dùng mẫu giáo	1		64,788		1				
4	Bộ vận động đa năng	1		82,500		1				
5	Bồn rửa tay inox	1		10,300	3,605	1				
6	Cầu trượt xích đu	1		31,212	27,311	1				
7	Cối xay thịt	1		11,475	5,738	1				
8	Đàn organ yamaha	1		13,095	3,274	1				
9	Đàn organ yamaha	1		13,095	3,274	1				
10	Đàn organ yamaha	1		13,095	3,274	1				
11	Đàn organ yamaha	1		13,095	3,274	1				
12	Đàn organ yamaha	1		13,095	3,274	1				
13	Điều hoà Gree	1		13,170	6,585	1				


Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Đồ chơi vận động đa năng hình nấm	1		29,500		1				
15	Đu quay mâm không ray	1		19,950		1				
16	Máy bay đồ chơi	1		45,000		1				
17	Máy điều hòa	1		15,000	1,875	1				
18	Máy điều hòa	1		15,000	1,875	1				
19	Máy điều hòa	1		15,000	1,875	1				
20	Máy điều hòa Gree 2	1		12,950	6,475	1				
21	Máy điều hòa Gree 2	1		12,150	7,594	1				
22	Máy điều hòa không khí Gree	1		16,500	2,063	1				
23	Máy điều hòa không khí Gree	1		16,500	2,063	1				
24	Máy điều hòa panasonic	1		11,194	4,198	1				
25	Máy điều hòa panasonic	1		11,193	4,197	1				
26	Máy điều hòa panasonic	1		11,193	4,197	1				
27	Nhà bóng	1		42,350		1				
28	Nhà chơi cầu trượt	1		13,068	11,435	1				
29	Nồi nấu cơm CN1	1		18,500	4,625	1				
30	Nồi nấu cơm CN2	1		18,500	4,625	1				
31	Nồi nấu cơm CN3	1		18,500	4,625	1				
32	Thảm cỏ	1		132,000	46,200	1				
33	Tivi LG	1		16,170	6,468	1				
34	Tivi Panasonic	1		12,490	2,498	1				
35	Tivi Sony	1		14,500		1				
36	Tivi Sony	1		14,500		1				
37	Tủ cơm gas + bếp gas	1		24,788		1				

Stt	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
38	Tủ sấy bát	1		39,420		1				
39	Tủ sấy bát	1		39,420		1				
40	Vách leo núi gỗ	1		19,800	6,930	1				
41	Xích đu sàn lác thuyền rồng	1		15,225		1				
42	Xích đu sàn lác thuyền rồng MG	1		16,940		1				
43	Xích đu toà hoả sắt	1		22,900		1				
44	Xích đu treo 3 con giống	1		10,080		1				
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm									
6	Tài sản cố định đặc thù									
7	Tài sản cố định hữu hình khác									
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	1		12,000	7,200	1				
1	PM misa	1		12,000	7,200	1				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>59</b>	<b>14,110.4</b>	<b>105,374,033</b>	<b>100,800,241</b>	<b>14,164</b>				

Nam Định, ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

  
Trần Thị Thanh Huyền

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

  
Trần Thị Ánh Nguyệt

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình  
 Cơ quan quản lý cấp trên:  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì xử lý tài sản: Trường Mầm non Sao Vàng  
 Mã đơn vị: 1050742.12  
 Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04c-CK/TSC

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

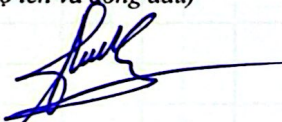
*ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m<sup>2</sup>; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng*

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lý khác				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp															
1.1	Đất															
1.2	Nhà															
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác															
2	Xe ô tô															
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh															
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung															
2.3	Xe ô tô chuyên dùng															
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước															
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)															
4	Máy móc, thiết bị															
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh															

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động															
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng															
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm															
6	Tài sản cố định đặc thù															
7	Tài sản cố định hữu hình khác															
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)															
	<b>Tổng cộng</b>															

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

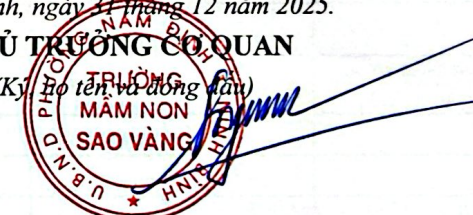


**Trần Thị Thanh Huyền**

Nam Định, ngày 21 tháng 12 năm 2025.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**Trần Thị Anh Nguyệt**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình  
 Cơ quan quản lý cấp trên:  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Sao Vàng  
 Mã đơn vị: 1050742.12  
 Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04d-CK/TSC

### CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠİ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m<sup>2</sup>; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng

STT	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp																
1.1	Đất																
1.2	Nhà																
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác																
2	Xe ô tô																
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh																
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác																
2.3	Xe ô tô chuyên dùng																
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà																
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)																
4	Máy móc, thiết bị																
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh																

STT	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động																
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng																
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm																
6	Tài sản cố định đặc thù																
7	Tài sản cố định hữu hình khác																
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)																

Ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

  
Trần Thị Thanh Huyền

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

  
Trần Thị Anh Nguyệt